

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 51/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 06-6-2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thảo

2. Ông Nguyễn Thanh Cần

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thuyến - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa:
Bà Bò Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 210/2021/TLST-HNGĐ ngày 14/12/2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Tô Xuân V, sinh năm 1979.

Địa chỉ thường trú: xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; địa chỉ tạm trú: khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. (có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

- Bị đơn: Bà Vũ Thị S, sinh năm 1983.

Địa chỉ thường trú: xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; địa chỉ tạm trú: Tổ 17, khu phố T, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Nơi cư trú hiện nay: Đội 12, thôn P, xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương. (có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn trình bày:

Ông Tô Xuân V và bà Vũ Thị S tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào năm 2005 tại UBND xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 29, ngày 14/6/2005.

Quá trình chung sống, giữa hai vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, hai vợ chồng thường xuyên xảy cãi vã. Vợ chồng ông V cũng đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Từ năm 2016, hai vợ chồng đã không còn chung sống với nhau. Khoảng đầu năm 2021, ông V đã nộp đơn yêu cầu ly hôn với bà S nhưng do thấy hai con còn nhỏ nên hai vợ chồng thống nhất rút đơn để cùng nhau nuôi con. Tuy nhiên, hai vợ chồng cũng không thể hòa hợp, hàn gắn được. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông V yêu cầu được ly hôn với bà S.

Về con chung: Ông Tô Xuân V và bà Vũ Thị S có hai con chung là Tô Thị Ngọc A, sinh ngày 15/4/2013 và Tô Chí C, sinh ngày 30/8/2006. Bà Vũ Thị S được trực tiếp nuôi 02 con chung, ông Tô Xuân V không cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, hai con đang ở cùng với bà S tại xóm C, xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn trình bày:

Bà Vũ Thị S và ông Tô Xuân V kết hôn năm 2005. Trước khi kết hôn thì bà S và ông V được tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Trong quá trình chung sống, giữa bà S và ông V sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông V chơi bời, có người khác bên ngoài nên không quan tâm đến vợ con, cuộc sống gia đình trở nên căng thẳng, bế tắc. Nay ông V xin ly hôn, xét thấy không còn tình cảm vợ chồng nên bà S nhất trí ly hôn với ông V để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà Vũ Thị S và ông Tô Xuân V có hai con chung là Tô Thị Ngọc A, sinh ngày 15/4/2013 và Tô Chí C, sinh ngày 30/8/2006. Hiện cả hai con đang ở với bà S. Bà S yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung, không yêu cầu ông Tô Xuân V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt và có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định tại chương XIV về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại theo các Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Tô Xuân V khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Vũ Thị S. Tại thời điểm thụ lý vụ án, bị đơn bà Vũ Thị S đang cư trú tại phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ngày 14/6/2005, ông Tô Xuân V và bà Vũ Thị S tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình nên quan hệ hôn nhân giữa ông V và bà S là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000. Nguyên đơn ông V cho rằng giữa hai vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, hai vợ chồng thường xuyên xảy cãi vã, từ năm 2016, hai vợ chồng đã không còn chung sống với nhau. Bà S thì cho rằng từ năm 2018 do ông V chơi bời, có quan hệ với người khác nên không quan tâm đến vợ con khiến cuộc sống gia đình trở nên căng thẳng, bế tắc, tình cảm vợ chồng không còn nên thống nhất ly hôn với ông V. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định, hôn nhân giữa ông V và bà S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của ông V là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, ông Tô Xuân V và bà Vũ Thị S có hai con chung là Tô Thị Ngọc A, sinh ngày 15/4/2013 và Tô Chí C, sinh ngày 30/8/2006. Bà S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, ông V cũng thống nhất để bà S được trực tiếp nuôi hai con chung, cháu Ánh và Cường cũng có nguyện vọng sống chung với bà S. Xét việc thỏa thuận của các đương sự về người trực tiếp nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên là phù hợp.

[4] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Ông Tô Xuân V phải nộp số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 39, Điều 147, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tô Xuân V về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với bị đơn bà Vũ Thị S.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Tô Xuân V được ly hôn với bà Vũ Thị S.

1.2. Về con chung: Giao con chung là Tô Thị Ngọc A, sinh ngày 15/4/2013 và Tô Chí C, sinh ngày 30/8/2006 cho bà Vũ Thị S được quyền trực tiếp nuôi.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Vì lợi ích hợp pháp của con chung, khi đương sự có yêu cầu Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

1.4. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Tô Xuân V phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0005624 ngày 09/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- CCTHADS thị xã Tân Uyên;
- UBND xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

Phạm Ngọc Trung